| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NGẠN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nhường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tống Đăng Mạnh.

Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Khắc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1940. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn C, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trương Thị L, sinh năm 1933. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1948. Vắng mặt. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2022, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Đ trình bày:*

Gia đình ông và anh Trần Văn C và mẹ anh C là bà Trương Thị L có quan hệ quen biết với nhau từ lâu. Do bà L và anh C cần tiền để mua đất nên có hỏi ông vay tiền. Do là chỗ quen biết ông đồng ý cho anh C bà L vay tiền. Sau đó đến ngày 01/03/2013 anh C và bà L trực tiếp đến nhà ông nhận tiền, bà L trực tiếp là người nhận đủ số tiền 138.000.000 đồng của ông đưa cho. Sau đó anh C trực tiếp viết giấy nhận tiền của ông và hẹn đến tháng 5 năm 2013 (âm lịch) thì trả ông số tiền nêu trên. Do không biết chữ nên bà L không ký vào giấy vay nợ. Giữa ông và anh C bà L có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Sau khi nhận đủ số tiền của ông đến hạn trả nợ thì anh C bà L không trả được ông tiền gốc mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng anh C bà L khất lần không trả ông từ năm 2013 đến nay. Từ năm 2013 đến nay thì anh C có trả ông được một số lần tiền lãi với tổng số tiền lãi là 44.000.000 đồng. Khoản tiền trên là khoản tiền chung của ông và vợ ông là bà Ngô Thị T, khi cho anh C bà L vay thì bà Tê có biết và cũng đồng ý cho anh C bà L vay tiền.

Đến nay ông làm đơn này khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Trần Văn C phải trả cho ông số tiền gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Tê trình bày:*

Gia đình bà và anh Trần Văn C, bà Trương Thị L có quan hệ quen biết với nhau từ lâu. Do bà L và anh C cần tiền để mua đất nên có hỏi chồng bà là ông Nguyễn Đức Đ vay tiền. Do là chỗ quen biết nên ông Đ đồng ý cho anh C bà L vay tiền. Ngày 01/03/2013 anh C và bà L trực tiếp đến nhà bà nhận tiền, bà L trực tiếp là người nhận đủ số tiền 138.000.000 đồng của ông Đ đưa cho. Sau đó

anh C trực tiếp viết giấy nhận tiền và hẹn đến tháng 5 năm 2013 âm lịch thì trả số tiền nêu trên. Do không biết chữ nên bà L không ký vào giấy vay nợ. Sau khi nhận đủ số tiền của ông Đ đến hạn trả nợ thì anh C bà L không trả được tiền gốc mặc dù vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng anh C bà L khất lần không trả từ năm 2013 đến nay. Từ năm 2013 đến nay thì anh C có trả vợ chồng bà được vài lần tiền lãi với tổng số tiền lãi là 44.000.000 đồng. Khoản tiền trên là khoản tiền chung của bà và ông Đ. Khi ông Đ cho anh C bà L vay tiền thì bà có biết và cũng đồng ý cho anh C bà L vay tiền.

Đến nay ông Đ làm đơn này khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc anh C phải trả số tiền nợ gốc là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ và đề nghị anh C phải có trách nhiệm trả vợ chồng bà số tiền trên.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L trình bày:*

Việc anh C con trai bà vay nợ ông Đ thế nào bà không được biết, bà cũng không được nhận số tiền 130.000.000 đồng và cũng không được ký vào giấy vay nợ với ông Đ. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Bà xác định khoản nợ anh C vay của ông Đ là khoản nợ riêng của anh C, bà không liên quan đến khoản nợ này. Hiện nay anh C vẫn cư trú và sinh sống cùng nhà với bà, anh C đi làm ăn xa một hoặc hai tuần lại về, về ở một hai tối xong lại đi. Do tuổi đã cao, bà xin vắng mặt tại tất cả các phiên công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tất cả các phiên xét xử của Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn C vắng không có lý do. Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy báo làm việc; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp canh khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh C được.

Tại biên bản xác minh của Tòa án đại diện chính quyền thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi anh C cư trú xác định anh C hiện nay vẫn đang sinh sống tại thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang chưa chuyển đi đâu. Hiện nay, anh C vắng mặt không có ở nhà, thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi làm, có lần về mấy ngày xong lại đi ngay nên chính quyền thôn không nắm rõ được.

Công an xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin hiện nay anh Trần Văn C đang cư trú và sinh sống tại thôn Muối, xã Giáp Sơn chưa chuyển đi đâu. Anh C nghề nghiệp là lao động tự do tại địa phương. Anh C vẫn sinh sống cùng gia đình có mẹ là bà Trương Thị Lý và vợ con tại thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh C hiện nay đi đâu làm gì không thông báo cho địa phương, nên chính quyền địa phương không nắm rõ được.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Đức Đ xác định đến nay giấy vay nợ do anh C ký và vay, bà L có đi cùng nhưng không ký vào giấy tờ nên ông xác định đây là khoản nợ riêng của anh C nên ông vẫn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn C phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng). Về tiền lãi ông Đ không yêu cầu. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người được triệu tập vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức Đ. Buộc anh Trần Văn C phải trả cho ông Nguyễn Đức Đ và bà Ngô Thị T số tiền nợ gốc là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

- Về án phí: Buộc anh Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Đức Đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức Đ khởi kiện anh Trần Văn C về việc thanh toán khoản tiền vay 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 01/3/2013 (âm lịch) có thời hạn trả nợ là tháng 5/2013 (âm lịch). Sau đó anh C vi phạm về thời hạn thanh toán các bên đã thỏa thuận trong giấy vay tiền, đến nay ông Nguyễn Đức Đ khởi kiện đề nghị anh Trần Văn C phải hoàn trả số tiền nợ gốc ông đã cho vay. Anh C có nơi cư trú tại thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh C theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Trần Văn C vẫn có hộ khẩu và sinh sống tại thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 4349/QLXNC-P5 ngày 06/3/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp thông tin anh Trần Văn C không có thông tin về việc xuất nhập cảnh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu giếm địa chỉ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Đức Đ và anh Trần Văn C được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Đ và

anh C có quan hệ bạn quen biết nhau. Do cần tiền đất nên anh C đã đặt vấn đề vay ông Đ một khoản tiền, hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền vào ngày 01/3/2013 (Âm lịch) do trực tiếp anh C ký xác nhận nợ số tiền vay là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) và hẹn đến tháng 5/2013 (Âm lịch) thì hoàn trả số tiền gốc. Theo nội dung giấy biên nhận vay tiền trên thể hiện thì đây là khoản vay có kỳ hạn và có lãi suất được quy định tại Điều 471 và khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự. Thời điểm ký kết cả hai bên đều là những người có đủ nhận thức và có đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung trong giấy biên nhận vay tiền không trái với quy định pháp luật. Do vậy giấy biên nhận vay tiền này là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, anh C chưa thanh toán được nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy anh C vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Số tiền anh C đã nhận là tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà T. Do vậy, Hội đồng xét xử cần buộc anh C phải trả cho ông Đ bà Tê số tiền gốc đã nhận là 138.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Về lãi suất: Do nguyên đơn ông Nguyễn Đức Đ không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc phải trả ông Đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến đề nghị về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nghĩa vụ chịu án phí với bị đơn của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Đ. Buộc anh Trần Văn C phải trả cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thông toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**2.** Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Đức Nhường**